

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRƯỚC KHI MỞ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI SO SÁNH VỚI PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

TRẦN THỊ LIÊN*

Bài viết phân tích hoạt động thực hành quyền công tố trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm của cơ quan Công tố Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Nhật Bản và đối chiếu với quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam để đưa ra đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Từ khóa: Thực hành quyền công tố, phiên tòa xét xử sơ thẩm, hình sự, tố tụng hình sự.

The article analyzes the activities of exercising the prosecution right before opening a trial in the first instance of the prosecution agencies in the US, Korea, and Japan and makes a comparison with the Criminal Procedure Code of Viet Nam in order to offer some recommendations to further improve the regulations of Vietnamese criminal procedure law.

Keywords: Exercising the prosecution right, trial courts, criminal, criminal proceedings.

Việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở mỗi quốc gia trên thế giới rất khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện văn hóa, chính trị và truyền thống pháp luật của mỗi nước. Chính vì vậy, hoạt động công tố cũng là yếu tố cơ bản để phản ánh sự khác biệt giữa các nước về hình thức tố tụng và vai trò của cơ quan công tố. Dù còn nhiều quan điểm khác nhau nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu hiện nay đều thừa nhận hai hình thức tố tụng cơ bản trên thế giới là tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi (thẩm vấn). Bên cạnh đó, một số quốc gia trên thế giới không duy trì một hình thức tố tụng nhất định mà có sự tiếp thu, pha trộn, đan xen giữa tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng. Do đó, hoạt động tố tụng từ điều tra, truy tố cho đến xét xử giữa các quốc gia cũng rất khác biệt. Về cơ bản, tố tụng tranh tụng không có giai đoạn điều tra và

chứng cứ của các bên (bên buộc tội và bên gỡ tội) có giá trị chứng minh như nhau, sự thật của vụ án được tìm ra tốt nhất thông qua quá trình tranh luận công khai tại phiên tòa. Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, cơ quan Công tố có nhiều quyền chủ động trong việc giải quyết vụ án hình sự như quyền tùy nghi truy tố (lựa chọn truy tố hoặc không truy tố) hay thực hiện thủ tục thỏa thuận nhận tội với bị cáo, rút ngắn thủ tục tố tụng, tiết kiệm thời gian và chi phí tố tụng cho cả hai bên. Trong khi đó, một số quốc gia theo hình thức tố tụng xét hỏi có thể thừa nhận hoặc không thừa nhận những hoạt động công tố này vì cho rằng những hoạt động đó đi ngược lại với nguyên tắc công bằng và khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

1. Hoạt động thực hành quyền công tố trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm của cơ quan công tố một số quốc gia trên thế giới

Một trong những đặc điểm khác biệt cơ bản giữa tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn là quá trình giải quyết vụ án hình sự ở tố tụng tranh tụng (điển hình là Anh, Mỹ) không tồn tại một hồ sơ vụ án chính thức. Cách thức tốt nhất để tìm ra sự thật là để các bên tự tranh luận với nhau dựa trên những chứng cứ của chính mình. Trách nhiệm chứng minh thuộc về cả hai bên, bên buộc tội đại diện cho Nhà nước đóng vai trò là một bên chủ thể chứng minh về hành vi phạm tội; lỗi của bị can, bị cáo và bên luật sư bào chữa có trách nhiệm chứng minh về sự vô tội hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho thân chủ của mình. Chính vì thế, mỗi bên đều có quyền thu thập tài liệu riêng, bên buộc tội thu thập tài liệu, chứng cứ để thực hiện chức năng buộc tội, bên bào chữa thu thập tài liệu, chứng cứ để thực hiện chức năng gỡ tội. Thẩm phán chỉ đóng vai trò là người trọng tài, mọi chứng cứ hoàn toàn do các bên đưa ra, để đưa ra phán quyết thì Thẩm phán chỉ dựa trên những chứng cứ được đưa ra tại phiên tòa và không có quyền biết đến các chứng cứ đó trước khi phiên tòa diễn ra. Trước khi mở phiên tòa xét xử, trong tay Thẩm phán không có “hồ sơ vụ án”, hồ sơ đó nằm trong tay Công tố viên và luật sư bào chữa. Điều này khiến cho vai trò của Thẩm phán đúng nghĩa là một “trọng tài” phân xử thắng thua giữa các bên, trên cơ sở hoàn toàn khách quan do không nắm trước được chứng cứ, tài liệu của vụ án trước khi xét xử. Vì thế, cơ quan công tố ở các nước theo mô hình tố

tụng tranh tụng như Mỹ không thu thập hồ sơ vụ án để chuyển sang Tòa án nghiên cứu trước khi xét xử. Điều này cũng tạo nên sự chủ động và linh hoạt cho hoạt động công tố của Công tố viên Mỹ mà điển hình là việc Công tố viên Mỹ có thể thực hiện quyền tùy nghi truy tố hoặc thực hiện thủ tục *thỏa thuận nhận tội* (hay thương lượng nhận tội, mặc cả thú tội) với bị cáo để kết thúc quá trình tố tụng mà không nhất thiết phải đưa ra xét xử chính thức tại phiên tòa. Theo GS. Richard S.Shine⁽¹⁾, quyền tùy nghi truy tố và thỏa thuận nhận tội mang lại cho Công tố viên Hoa Kỳ thẩm quyền lớn trong việc giải quyết vụ án hình sự nhằm cân đối lợi ích của Nhà nước và người bị buộc tội, bảo tồn nguồn lực tư pháp và nguồn lực truy tố. Đặc biệt, hiệu quả của việc giải quyết vụ án hình sự bằng thủ tục thỏa thuận nhận tội được thể hiện qua nhiều phương diện: giảm tải được tình trạng án đình trệ tại cả văn phòng công tố và Tòa án; tiết kiệm thời gian cho bị cáo; khắc phục tình trạng quá tải tại các cơ sở giam giữ... Mặt khác, quyền tùy nghi truy tố và thỏa thuận nhận tội cũng giúp Công tố viên đánh giá được lợi ích của Nhà nước và cá nhân người phạm tội, đảm bảo hài hòa nhu cầu vừa trừng phạt vừa cải huấn và phục hồi cho cá nhân người phạm tội.

Nguyên tắc tùy nghi truy tố được xây dựng trên cơ sở không phải mọi hành vi phạm tội đều phải đưa ra tòa do phải cân nhắc các nguồn lực và lợi ích chung. Thay vì truy tố tất cả, cơ quan Công tố chỉ tập trung vào các tội nghiêm trọng, phức tạp

¹ GS. Richard S.Shine, *Mô hình tố tụng hình sự của Liên bang Hoa Kỳ*, Sách “*Những mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*”, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội, năm 2012, tr.448.

tùy theo biến động của tình hình. Khi áp dụng nguyên tắc tùy nghi truy tố, Viện công tố có quyền không truy tố một tội phạm ngay cả khi có đủ bằng chứng phạm tội⁽¹⁾. Trong một số trường hợp, dựa trên căn cứ phù hợp với lợi ích công cộng, Công tố viên có thể quyết định không truy tố⁽²⁾. Điều này một mặt giúp Công tố viên duy trì tỉ lệ truy tố thành công ở mức cao vì xác suất truy tố “đúng người, đúng tội” sẽ lớn hơn rất nhiều khi Công tố viên có quyền cân nhắc và lựa chọn việc truy tố tội phạm một cách mềm dẻo, cân bằng giữa lợi ích công và lợi ích cá nhân, mặt khác tỉ lệ truy tố thành công cao cũng thể hiện khả năng chuyên môn và uy tín của công tố viên đó. Nguyên tắc truy tố tùy nghi tạo nên cơ chế độc lập và trách nhiệm cá nhân cao đối với Công tố viên trong việc thực thi thẩm quyền của mình. Tuy mức độ “tùy nghi” trao cho cơ quan Công tố có thể khác nhau trong các hệ thống tố tụng nhưng tựu chung, Công tố viên gần như có toàn quyền quyết định đối với số phận của một vụ án hình sự trong giai đoạn trước xét xử⁽³⁾.

Cũng như thẩm quyền tùy nghi truy tố, thẩm quyền thực hiện thủ tục thương lượng nhận tội thể hiện quyền tự quyết

khá lớn của cơ quan Công tố Hoa Kỳ trong việc giải quyết vụ án hình sự. Theo pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ, sau khi cơ quan Công tố chuyển quyết định truy tố sang cho Tòa án, trước khi mở phiên tòa xét xử, sẽ có một phiên nhận tội diễn ra với sự có mặt của Công tố viên, luật sư đại diện cho bị cáo và Thẩm phán Tòa án. Tại phiên thỏa thuận nhận tội, bị cáo (thường thông qua luật sư) có thể đồng ý nhận tội theo một hay tất cả các tội mà Công tố viên đã cáo buộc để đổi lại một số hoạt động nhất định của Công tố viên. Công tố viên có thể đồng ý không truy tố một hay một số tội danh đối với bị cáo, hay thậm chí sẽ đưa ra đề nghị về mức án với Thẩm phán, hoặc không phản đối mức án mà luật sư bào chữa đưa ra. Trong nội dung của thỏa thuận nhận tội, bị cáo có thể đồng ý khai báo sự thật về các tội phạm mà anh ta biết được. Do vậy, Công tố viên có thể sử dụng thỏa thuận nhận tội nhằm thu thập lời khai từ những kẻ phạm tội ít nghiêm trọng trong vụ án để có được chứng cứ kết tội những kẻ phạm tội nghiêm trọng hơn⁽⁴⁾. Quy trình tố tụng này được sử dụng rộng rãi trong tố tụng hình sự Hoa Kỳ xuất phát từ tính hiệu quả về thời gian và chi phí tố tụng. Đối với bị cáo, thủ tục này có thể mang lại cơ hội được giảm mức án, tiết kiệm thời gian tố tụng và chi phí cho luật sư. Đối với Chính phủ, nó làm giảm chi phí cho việc truy tố và các thủ tục đầy đủ của một phiên tòa và cho phép cơ quan công tố tập trung nguồn lực của mình để giải quyết những vụ án nghiêm trọng hơn. Tuy nhiên, việc Công tố viên

¹ Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Khoa học Kiểm sát (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp* (CNĐT: TS. Lê Hữu Thế), Đề tài độc lập cấp Nhà nước, Hà Nội, tr.216

² Theo Mục 9-27.220 Nguyên tắc Truy tố Liên bang, Sổ tay hướng dẫn cho Luật sư Hoa Kỳ, Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ thì: Công tố viên Liên bang có quyền từ chối truy tố vì: 1. Việc truy tố không đem lại lợi ích đáng kể nào cho Liên bang; 2. Người đó sẽ bị truy tố hiệu quả ở thẩm quyền xét xử khác; 3. Khi truy tố, có khả năng hợp lý rằng đó không phải là án hình sự.

³ Xem: Đàm Quang Ngọc, “Sự cần thiết áp dụng nguyên tắc truy tố tùy nghi trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 10/2015, tr.34.

⁴ Trần Đại Thắng, *Cơ quan công tố hình sự Hoa Kỳ*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp điện tử, <http://www.luatviet.org/Home/nghien-cuu-trao-doi/phap-luat-the-gioi/2010/8870/Co-quan-cong-to-hinh-su-o-Hoa-Ky.aspx>.

có thể thực hiện thủ tục thỏa thuận nhận tội với bị cáo để dẫn đến việc kết thúc quá trình tố tụng trước khi đến với phiên tòa xét xử cũng còn nhiều ý kiến khác nhau. Khi nói về vấn đề này, các luật gia Hoa Kỳ nhận định⁽¹⁾: việc Công tố viên Hoa Kỳ thực hiện thỏa thuận nhận tội giống như một hình thức xét xử của quyền công tố và gọi đó là “thẩm phán trước thẩm phán” (the judge before the judge). Điều này có nghĩa là việc Công tố viên thực hiện việc thỏa thuận nhận tội trước khi mở phiên tòa xét xử vừa mang bản chất của quyền công tố (thực hành quyền công tố) nhưng đồng thời kiêm nhiệm việc ra phán quyết cuối cùng (xét xử), bỏ qua vai trò của Thẩm phán và Tòa án. Lẽ dĩ nhiên, thỏa thuận nhận tội vẫn phải được một Thẩm phán công nhận chính thức, nhưng “khi phân tích một cách độc lập về quyền xét xử của Công tố và loại bỏ quyết định công nhận chính thức của Tòa án ra khỏi định nghĩa về quyền xét xử của Công tố mà chỉ bàn về hậu quả pháp lý của quyết định xét xử do Công tố viên đưa ra, thì có thể thấy rằng việc Công tố viên thực hiện quyền xét xử có giá trị không kém với việc xét xử của Thẩm phán”⁽²⁾. Như vậy, việc xét xử với thủ tục tố tụng đầy đủ của Tòa án chỉ được tiến hành khi thỏa thuận nhận tội giữa hai bên không đạt được và Viện công tố tiếp tục bảo lưu quan điểm truy tố của mình. Ở góc độ này, quyền quyết định có đưa vụ án ra xét xử hay không thuộc về Viện công tố chứ không phải Tòa án. Rõ ràng, trước khi mở phiên tòa xét xử chính thức thì cơ quan Công tố vẫn có

toàn quyền định đoạt và quyết định về tình trạng pháp lý của người phạm tội, ngay cả khi đã đệ trình quyết định truy tố lên Tòa án.

Một số quốc gia tiếp thu ảnh hưởng của hình thức tố tụng tranh tụng như Nhật Bản thì thực hiện nguyên tắc truy tố không đi kèm bằng chứng hoặc tài liệu, nhằm bảo đảm để Thẩm phán không phát sinh những định kiến nhất định trước phiên tòa⁽³⁾. Nhưng bởi vì phương thức tìm kiếm sự thật trong vụ án của tố tụng hình sự Nhật Bản là sự pha trộn giữa hệ thống dân luật (tố tụng thẩm vấn) và hệ thống luật Anh - Mỹ (tố tụng tranh tụng) nên việc thu thập và trình bày chứng cứ chủ yếu là trách nhiệm của các bên, tuy nhiên, nếu thấy cần thiết thì Tòa án luôn luôn có thể chủ động tiến hành thu thập và xem xét chứng cứ (Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) Nhật Bản). Chính vì vậy, mặc dù Công tố viên Nhật Bản cũng có quyền áp dụng nguyên tắc tùy nghi truy tố nhưng quyền này không phải là vô hạn. Điều 248 BLTTHS Nhật Bản quy định: “*Trường hợp không cần thiết truy tố do đặc điểm, tuổi và hoàn cảnh của người phạm tội, mức độ và điều kiện của tội phạm cũng như các hoàn cảnh sau khi phạm tội, việc truy tố có thể không được thực hiện*”. Tuy nhiên, người không hài lòng với quyết định không truy tố của cơ quan Công tố Nhật Bản có thể yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết và yêu cầu bên Công tố phải truy tố (Thông thường, những trường hợp này phát sinh khi một người trong chính cơ quan Cảnh sát hoặc cơ quan Công tố nghi

¹ Erik Luna, Marianne Wade (2010), “Prosecutors as Judges”, *Washington and Lee law review*, vol67/iss4/6, <http://scholarlycommons.law.wlu.edu/wlulr/vol67/iss4/6/>

² Erik Luna, Marianne Wade, tldd.

³ GS. Byung Sun Cho, *Mô hình tố tụng hình sự của Nhật Bản*, Sách “*Những mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*”, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội, năm 2012, tr.13.

ngờ về việc có sự vi phạm khi thi hành pháp luật). Bên cạnh đó, ở Nhật Bản, khái niệm thỏa thuận nhận tội chưa được chấp nhận vì người ta cho rằng việc thương lượng bản án giữa chính phủ và người phạm tội là trái với công lý⁽¹⁾. Nếu trước lúc bắt đầu thủ tục xét xử, bị cáo trình bày lời thú tội bằng cách thừa nhận rằng anh ta có tội như những gì được đưa ra trong cáo trạng thì phiên tòa được chuyển sang thủ tục xét xử đơn giản. Thủ tục xét xử đơn giản sẽ được Tòa án tiến hành trên cơ sở đề xuất của Công tố viên nhưng đề xuất này không có tính bắt buộc đối với Tòa án. Tòa án có thể chấp nhận đề xuất hoặc chuyển vụ án sang thủ tục xét xử thông thường. Khi vụ án được áp dụng thủ tục xét xử đơn giản, Tòa án thường sẽ áp dụng mức tiền phạt chứ không tổ chức xét xử công khai. Mặt khác, nếu bị cáo không hài lòng với quyết định của Tòa án về các tình tiết cấu thành tội phạm, số tiền phạt và các quyết định khác theo thủ tục xét xử đơn giản thì anh ta có quyền xin xét xử bình thường trong vòng 14 ngày kể từ ngày Tòa án công bố quyết định từ Điều 461 tới Điều 470 BLTTHS Nhật Bản⁽²⁾.

Tố tụng hình sự Hàn Quốc hiện nay cũng có thể xem là mô hình tố tụng pha trộn, đan xen giữa mô hình thẩm vấn và mô hình tranh tụng. Trong tố tụng hình sự Hàn Quốc, Thẩm phán vẫn đóng vai trò chủ động trong việc thẩm vấn tại phiên tòa nhưng chỉ được đọc và xem xét bản cáo trạng của Công tố viên chứ không được đọc tài liệu, hồ sơ điều tra trước khi bắt đầu xét xử⁽³⁾. Sau khi quyết định truy

tố được đưa ra, vụ án sẽ được chuyển tới Tòa sơ thẩm nhưng trong tài liệu gửi Tòa án chỉ có cáo trạng của cơ quan Công tố mà không đính kèm bất cứ loại chứng cứ hoặc tài liệu nào vì điều này có thể làm cho Thẩm phán thiên vị hoặc có định kiến với một trong số các bên liên quan của vụ án. Đây là điểm tương đồng khá lớn với pháp luật tố tụng của các nước theo mô hình tranh tụng mà điển hình là Mỹ. Tuy nhiên, tố tụng Hàn Quốc là sự giao thoa của hai hệ thống tố tụng nên khoa học pháp lý Hàn Quốc xác định mục tiêu của hệ thống tố tụng hình sự Hàn Quốc bao gồm làm sáng tỏ sự thật khách quan và đảm bảo thủ tục công bằng. Do đó, tố tụng hình sự Hàn Quốc vẫn đặt trách nhiệm cho các cơ quan tiến hành tố tụng phải tìm kiếm và làm rõ tất cả các tình tiết khách quan của vụ án, Tòa án không hề bị ràng buộc bởi chứng cứ do các bên trình tại phiên tòa. Khác với pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ, pháp luật tố tụng hình sự Hàn Quốc không công nhận thủ tục thương lượng nhận tội và chỉ áp dụng thủ tục xét xử rút gọn trong trường hợp bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của cơ quan Công tố (giống với thủ tục xét xử đơn giản trong pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản). Mặt khác, BLTTHS Hàn Quốc sửa đổi năm 2007 với mục tiêu đưa vào áp dụng các thủ tục tố tụng xét hỏi thẩm tra của Tòa án lấy phiên xử làm trọng tâm nên đã quy định về việc tổ chức “phiên điều trần tru bị” nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phiên tòa công khai. Theo đó, trước khi mở phiên tòa xét xử chính thức, Tòa án có thể định ngày để mở phiên điều trần tru bị. Tại phiên điều trần tru bị này, Thẩm phán sẽ thảo luận về những luận điểm và

¹ GS. Byung Sun Cho, tldđ, tr.54.

² GS. Byung Sun Cho, tldđ, tr.56

³ GS. Byung Sun Cho, *Mô hình tố tụng hình sự Hàn Quốc*, sđđ, tr.287.

kế hoạch của Công tố viên, bị can và luật sư nhằm tạo điều kiện cho các bên có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi ra phiên tòa. Có thể thấy rằng, với các quốc gia có sự pha trộn giữa hai hình thức tố tụng thẩm vấn và tranh tụng thì hoạt động thực hành quyền công tố của cơ quan Công tố trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm không thể hiện thẩm quyền tuyệt đối của cơ quan công tố như các nước theo hình thức tố tụng tranh tụng, mà có sự cân đối hài hòa với thẩm quyền tư pháp của Tòa án để đảm bảo nguyên tắc xác định sự thật vụ án một cách khách quan và đảm bảo thủ tục tố tụng công bằng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

2. Hoạt động thực hành quyền công tố trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trước khi mở phiên tòa diễn ra ở hai thời điểm: trước khi chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án và sau khi chuyển hồ sơ kèm cáo trạng sang Tòa án mà chưa có quyết định đưa vụ án ra xét xử (giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm). Khác với hoạt động của cơ quan Công tố ở hình thức tố tụng tranh tụng hay tố tụng thẩm vấn đan xen, ở Việt Nam, sau khi hồ sơ vụ án và cáo trạng đã được chuyển sang Tòa án thì Tòa án là chủ thể chịu trách nhiệm chính trong việc giải quyết vụ án chứ không phải là Viện kiểm sát. Tòa án có trong tay hồ sơ vụ án hình sự trước khi mở phiên tòa chính thức, hồ sơ đưa ra trước tòa là sản phẩm của cuộc điều tra, truy tố đã được thực hiện bởi Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Pháp

luật tố tụng hình sự Việt Nam không trao quyền tự định đoạt và quyền giải quyết vụ án cho Viện kiểm sát khi hồ sơ và bản buộc tội (cáo trạng) đã được chuyển sang cho Tòa án. Thông thường, cơ chế tố tụng ở các nước theo kiểu tố tụng thẩm vấn như Việt Nam cũng không cho phép bất cứ chủ thể tiến hành tố tụng nào được độc quyền, chi phối mọi hoạt động tố tụng. Theo quy định tại Điều 15 BLTTHS Việt Nam năm 2015: *“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”*. Với vị trí là một trong những cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Tòa án không giữ vai trò trung lập mà là một trong số những chủ thể có trách nhiệm chứng minh tội phạm, Tòa án cũng như Viện kiểm sát có nhiệm vụ làm sáng tỏ sự thật của vụ án khách quan, toàn diện và đầy đủ. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án giữ vai trò chính trong việc nghiên cứu hồ sơ và ra các quyết định giải quyết vụ án hình sự, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không quy định về việc Viện kiểm sát có quyền thực hiện thủ tục thỏa thuận nhận tội với bị cáo trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm như pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ, và cũng không quy định về việc áp dụng thủ tục rút gọn trong trường hợp bị cáo nhận tội giống như pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản và Hàn Quốc.

Tuy nhiên, nghiên cứu lịch sử pháp luật Việt Nam có thể thấy đã từng có thời kì chúng ta ghi nhận quy định về việc tổ chức phiên tòa trừ bị trước khi mở phiên tòa xét xử chính thức giống như quy định của pháp luật tố tụng hình sự Hàn Quốc

hiện giờ. Theo quy định trong bản hướng dẫn về trình tự tố tụng sơ thẩm về hình sự (kèm theo Thông tư số 16-TATC ngày 27/9/1974 của TAND Tối cao) thì⁽¹⁾: khi vụ án đã được chuyển sang Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề về nội dung cũng như về thủ tục tố tụng, trong việc chuẩn bị xét xử cũng như trong phiên tòa. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, đối với một số vụ án phức tạp, chưa thống nhất quan điểm giữa Tòa án và Viện kiểm sát thì có thể tổ chức một cuộc họp trụ bị giữa hai cơ quan trước khi mở phiên tòa xét xử. Cuộc họp trụ bị này được tổ chức trong vòng 15 ngày, có thể kéo dài đến một tháng nếu vụ án có tính chất quan trọng, phức tạp, hồ sơ, tài liệu nhiều. Thành phần chủ yếu tham dự cuộc họp trụ bị này bao gồm Chánh án tòa án, Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa, Viện trưởng Viện kiểm sát và Kiểm sát viên được phân công nghiên cứu vụ án và sẽ duy trì công tố ở phiên tòa. Thông qua cuộc họp trụ bị đó, Tòa án có thể ra quyết định trả lại hồ sơ để Viện kiểm sát điều tra bổ sung, đình chỉ vụ án hoặc yêu cầu làm lại bản cáo trạng. Đặc biệt, đối với trường hợp sau khi nhận được quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án, Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án mà Tòa án nhận thấy quyết định đình chỉ đó của Viện kiểm sát không đúng thì sẽ trao đổi lại với Viện kiểm sát, nếu Viện kiểm sát vẫn không thay đổi ý kiến thì Tòa án sẽ phản ánh lên Tòa án cấp trên. Nếu Tòa án cấp trên đồng ý với Tòa án cấp dưới thì sẽ yêu cầu Viện kiểm sát cùng cấp xem xét lại quyết định của Viện kiểm sát cấp dưới. Rõ ràng, quy định này thể hiện

thẩm quyền rất rộng của Tòa án trong việc giải quyết vụ án hình sự, thậm chí có phần “lấn sân” sang hoạt động công tố của Viện kiểm sát. Điều này cũng có phần đi ngược lại với nguyên tắc phân công quyền lực trong tổ chức bộ máy nhà nước và nguyên tắc Tòa án độc lập trong xét xử. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành đã không còn quy định về việc tổ chức phiên tòa trụ bị và cũng không quy định về việc Tòa án có thể phản ánh hay yêu cầu Viện kiểm sát xem xét lại quyết định đình chỉ của mình nữa. Điều này đảm bảo sự độc lập của cả cơ quan Tòa án và Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và đảm bảo giới hạn xét xử theo nguyên tắc truy tố đến đâu thì xét xử đến đó. Khi có tình tiết mới hoặc cần phải làm rõ hơn các chứng cứ trong hồ sơ truy tố của Viện kiểm sát chuyển sang thì Tòa án sẽ ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung, nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn đến việc đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Tòa án biết, nếu Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Tòa án yêu cầu và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án vẫn phải tiến hành xét xử vụ án bình thường⁽²⁾. Thực tiễn thi hành quy định pháp luật tố tụng hình sự thời gian qua cho thấy, số vụ án Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát thường duy trì ở một tỉ lệ nhất định và ít có chiều hướng giảm. Theo Báo cáo tổng kết của ngành Kiểm sát thì tỉ lệ Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung (so với tổng số vụ án Tòa án đã thụ lý) năm 2013 là 2,26%; năm 2014 là 3,42%; năm 2015 là 2,83%; năm 2016 là 2,86% và năm 2017 là

¹ Tòa án nhân dân tối cao, *Tập hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự*, Hà Nội, 1976, tr.126.

² Xem: Khoản 3- Điều 280 BLTTHS Việt Nam năm 2015.

2,52%. Tỷ lệ này phản ánh công tác truy tố tội phạm của Viện kiểm sát còn một số hạn chế như: quyết định truy tố chưa chặt chẽ, chưa đảm bảo đầy đủ tài liệu, chứng cứ... Do đó, để khắc phục hạn chế trong công tác truy tố của Viện kiểm sát cũng như đảm bảo sự độc lập trong hoạt động tố tụng của các cơ quan Viện kiểm sát và Tòa án, đảm bảo quy định về giới hạn xét xử thì việc loại bỏ quy định về thẩm quyền trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án là cần thiết. Cùng với đó, có thể ghi nhận lại một số nội dung tích cực trong quy định về việc tổ chức phiên tòa truệ bị theo hướng dẫn của Tòa án tối cao trước đây và trong quy định của pháp luật tố tụng hình sự Hàn Quốc như sau: đối với các vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp hoặc vụ án xuất hiện tình tiết mới, Tòa án có thể tổ chức phiên tòa truệ bị với sự tham gia của Viện kiểm sát để cùng trao đổi và đưa ra phương án bổ sung theo hướng cần làm rõ gì thì Viện kiểm sát làm rõ thêm, nếu Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố thì Tòa án xét xử theo nội dung Viện kiểm sát đã truy tố mà thôi.

Tuy không quy định về thủ tục thương lượng nhận tội như pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ hay thủ tục rút gọn hoặc phiên tòa truệ bị như tố tụng hình sự Nhật Bản, Hàn Quốc nhưng hoạt động thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam cũng thể hiện sự giao thoa nhất định với các mô hình tố tụng điển hình trên thế giới. Theo quy định tại Điều 285 BLTTHS Việt Nam năm 2015, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, khi có một trong các căn cứ theo quy định của pháp luật thì Viện kiểm sát có thể rút quyết định truy tố và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án. Khi đó, Tòa án cũng không còn

cơ sở để mở phiên tòa xét xử và giai đoạn xét xử sẽ chấm dứt. Quy định này có điểm tương đồng với nguyên tắc tùy nghi truy tố trong pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ. Nội dung cơ bản nhất của quyền truy tố tùy nghi thể hiện ở chỗ: bất kì quyết định truy tố nào do Công tố viên Hoa Kỳ đưa ra đều phải được cân nhắc để đảm bảo tỷ lệ truy tố thành công, vì vậy ngay cả trường hợp đã đủ chứng cứ để buộc tội người phạm tội, nhưng nếu xét về lợi ích công cộng và cá nhân người phạm tội, Công tố viên vẫn có quyền lựa chọn không truy tố. Xét về mặt này, việc Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam gần với nguyên tắc truy tố tùy nghi vì quyết định này thể hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc chấm dứt vụ án trước khi mở phiên tòa. Tuy nhiên, việc truy tố hay chấm dứt truy tố theo nguyên tắc tùy nghi thường phải được Công tố viên lựa chọn trước khi ra quyết định cuối cùng, ít khi có trường hợp đã chọn quyết định truy tố rồi mà lại thay đổi không truy tố nữa. Về nguyên tắc, Công tố viên Hoa Kỳ được trao quyền quyết định việc truy tố đối với một vụ án dựa trên yếu tố đủ của chứng cứ, Công tố viên nếu thấy chứng cứ không đủ để truy tố và “sự khả quan kết án” (a realistic prospect of conviction) thì không ra quyết định truy tố, hay nói cách khác, vụ án bị loại ra khỏi quá trình tố tụng (evidentiary test)⁽¹⁾. Công tố viên phải chứng minh rằng “không còn nghi ngờ hợp lý nào khác” thì mới truy tố⁽²⁾, nếu đã

¹ Đàm Quang Ngọc, tldd, tr.37.

² Kỳ yếu đề tài khoa học cấp bộ “*Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*”, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện khoa học kiểm sát, Hà Nội, năm 1999, tr.129.

quyết định buộc tội (truy tố) rồi, sau đó lại không truy tố nữa thì việc đó có thể bị coi là trường hợp “lạm dụng quyền tùy nghi của công tố viên”⁽¹⁾. Thực tiễn thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cho thấy, tỉ lệ án đã được Viện kiểm sát truy tố và sau đó xét xử là rất lớn⁽²⁾. Việc rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa của Viện kiểm sát không nhiều vì phần lớn các căn cứ để rút quyết định truy tố đều đã được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cân nhắc và loại trừ kĩ càng trước khi chuyển hồ sơ sang Tòa án để đảm bảo quyết định truy tố chính xác. Tuy vậy, việc Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa vẫn phải được quy định cụ thể vì đó cũng là cơ hội để Viện kiểm sát cân nhắc lại một lần nữa quyết định truy tố của mình, hạn chế và loại trừ các trường hợp oan, sai trong tố tụng hình sự. Vì thế, khi phân tích và đối chiếu với quy định của pháp luật tố tụng hình sự các quốc gia áp dụng nguyên tắc truy tố tùy nghi thì có thể nhận thấy pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đã tiếp thu những yếu tố tích cực của nguyên tắc này để tạo nên tính linh hoạt, mềm dẻo và sự chủ động cho hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự./.

Tài liệu tham khảo:

1. TS. Tô Văn Hòa (chủ biên) (2011), Những mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới, Sách chuyên khảo, Nhà xuất

¹ Tôn Thiện Phương, *Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2017, tr.50

² Theo Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát từ năm 2013 đến năm 2017, tỉ lệ số vụ án bị Tòa án đình chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ. Tỉ lệ số vụ án bị đình chỉ (so với tổng số vụ án Tòa án đã thụ lý) bởi Tòa án lần lượt từ các năm 2013 đến năm 2017 là 0,4%; 0,4%; 0,3%; 0,4% và 0,6%.

bản Hồng Đức, Hà Nội.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện KHKS (2011), Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp (CNĐT: TS. Lê Hữu Thế), Đề tài độc lập cấp Nhà nước, Hà Nội.

3. Đàm Quang Ngọc (2015), “Sự cần thiết áp dụng nguyên tắc truy tố tùy nghi trong tố tụng hình sự Việt Nam”, Tạp chí Luật học, (10).

4. Trần Đại Thắng, Cơ quan công tố hình sự Hoa Kỳ, Tạp chí nghiên cứu lập pháp điện tử, <http://www.luatviet.org/Home/nghien-cuu-trao-doi/phap-luat-the-gioi/2010/8870/Co-quan-cong-to-hinh-su-o-Hoa-Ky.aspx>

5. Erik Luna, Marianne Wade (2010), “Prosecutors as Judges”, Washington and Lee law review, vol67/iss4/6, <http://scholarlycommons.law.wlu.edu/wlulr/vol67/iss4/6/>

6. Tòa án nhân dân tối cao (1976), Tập hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự, Hà Nội.

7. Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ (1999), “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện khoa học kiểm sát, Hà Nội.

8. Tôn Thiện Phương (2017), Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An, Luận án tiến sĩ, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát từ năm 2013 đến năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.